

Số: 9923/QĐ-ĐB

Hạ Long, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Nhiệm vụ - Dự toán Thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 05: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm

TỔNG GIÁM ĐỐC - TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC

Căn cứ các luật: Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013; Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ công thương về việc Quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Quốc phòng: Số 127/2006/QĐ-BQP ngày 04/07/2006 về việc thành lập Tổng công ty Đông Bắc; số 2131/QĐ-BQP ngày 10/6/2022 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty Đông Bắc; số 1199/QĐ-BQP ngày 31/3/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch SXKD, xây dựng đơn vị năm 2023 của Tổng công ty Đông Bắc; *vu*

36 08/01/2024

Căn cứ các Quyết định số 3099/QĐ-ĐB ngày 21/5/2021 của Tổng công ty Đông Bắc về việc ban hành Quy chế quản lý dự án đầu tư xây dựng của Tổng công ty Đông Bắc;

Căn cứ Tờ trình số 2368/TTr-790 ngày 19/12/2023 của Công ty 790 về việc phê duyệt Nhiệm vụ - Dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm, Nhiệm vụ - dự toán thẩm tra do Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Hải Nam Phong lập;

Căn cứ báo cáo thẩm định ngày 28/12/2023 của phòng Đầu tư xây dựng Tổng công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ - Dự toán Thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 05: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm với những nội dung chủ yếu như sau:

I. Phần nhiệm vụ - dự toán chi phí thẩm tra:

1. Thông tin chung về dự án:

- Tên dự án: Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm.

- Chủ đầu tư: Tổng công ty Đông Bắc.

- Địa điểm thực hiện: Khu vực mỏ Tây Bắc Khe Chàm, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh.

- Quy mô dự án: 80.000 ÷ 120.000 tấn/năm (theo than nguyên khai).

- Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp, cấp III

2. Nội dung nhiệm vụ thẩm tra:

Bao gồm:

a. Chủ đầu tư và địa chỉ liên lạc.

b. Thông tin chung về dự án.

c. Căn cứ để lập nhiệm vụ thẩm tra BCNCKT:

- Cơ sở pháp lý.

- Tài liệu cơ sở.

d. Nguyên tắc thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Yêu cầu chung.

- Các nội dung chi tiết thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi:

+ Cơ sở pháp lý;

+ Ảnh hưởng khai thác;

+ Địa chất, trữ lượng khai trường;

+ Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ;

+ Khai thông, chuẩn bị;

+ Giếng, sân ga hầm trạm;

+ Hệ thống khai thác; 

08/01/2024

- + Vận tải trong mỏ;
- + Thông gió mỏ;
- + An toàn vệ sinh công nghiệp;
- + Tháo khô thoát nước mỏ;
- + Tổ hợp công nghệ trên mặt mỏ;
- + Cung cấp điện;
- + Thông tin liên lạc và tự động hóa;
- + Cung cấp khí nén;
- + Kiến trúc xây dựng;
- + Cung cấp nước và thải nước;
- + Bảo vệ môi trường, khôi phục môi sinh và phòng chống cháy nổ;
- + Tổ chức sản xuất;
- + Nhu cầu sử dụng đất và phương án giải phóng mặt bằng;
- + Thẩm tra thiết kế cơ sở. Đánh giá cách trình bày, thể hiện bản vẽ theo các quy định hiện hành;
- + Thẩm tra tổng mức đầu tư;
- Kết luận và kiến nghị.
- Xuất bản báo cáo thẩm tra.

e. Thời gian thực hiện

3. Dự toán được duyệt:

118.996.732 đồng

(Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng) - đã bao gồm thuế GTGT 8%.

4. Thời gian thực hiện: Năm 2024.

5. Nguồn vốn: Vốn vay thương mại và vốn chủ sở hữu của Tổng công ty Đông Bắc.

II. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT):

1. Số hiệu, tên gói thầu: Gói thầu số 05: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm.

2. Giá trị gói thầu: **118.996.732 đồng**.

(Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng) - đã bao gồm thuế GTGT 8%.

3. Nguồn vốn: Vốn vay thương mại và vốn chủ sở hữu của Tổng công ty Đông Bắc.

4. Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu rút gọn.

5. Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu: Tháng 01/2024.

6. Loại hợp đồng: Trọn gói.

7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Phòng KTCN chủ trì, các phòng liên quan phối hợp: Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Tổng công ty về công tác đấu thầu và quản lý dự án đầu tư xây dựng. *vn*

Các phòng, ban chức năng của Tổng công ty theo chức năng, nhiệm vụ đã quy định, phối hợp triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký:

Các đồng chí Trưởng phòng: ĐTXD, KTCN, TCKT, KH Tổng công ty và Giám đốc Công ty 790 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Chủ tịch, TGD;
- PTGD Trương Văn Dũng (ch/dạo);
- Các phòng KTCN, TCKT, KH (ph/hợp);
- Công ty 790 (th/hiện);
- Lưu: VT, ĐTXD; V03.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đại tá Đỗ Mạnh Khâm

9708650267 - Ta Huu Kien - 10:36 08/01/2024

10:36 08/01/2024

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả chỉ định thầu
Gói thầu số 05: Tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Khai
thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC

Căn cứ các Luật: Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ – CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Quốc phòng: Số 127/2006/QĐ-BQP ngày 04/07/2006 về việc thành lập Tổng công ty Đông Bắc; số 2131/QĐ-BQP ngày 10/6/2022 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty Đông Bắc;

Căn cứ các Quyết định của Tổng công ty Đông Bắc: Số 3099/QĐ-ĐB ngày 21/5/2021 về việc ban hành Quy chế quản lý dự án đầu tư xây dựng của Tổng công ty Đông Bắc; số 9923/QĐ-ĐB ngày 29/12/2023 về việc phê duyệt phê duyệt Nhiệm vụ - dự toán thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 05: Tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm;

Căn cứ Văn bản số 554/ĐB-KTCN, ngày 19/01/2024 của Tổng công ty Đông Bắc về việc đàm phán, thương thảo hợp đồng Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ký ngày 23/01/2024 giữa Tổng công ty Đông Bắc và Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng mỏ - địa chất về việc thực hiện Gói thầu số 05: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm;

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ Tổng công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả chỉ định thầu Gói thầu số 05: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm.
2. Tên, số hiệu gói thầu: Gói thầu số 05: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm.
3. Nhà thầu được chỉ định thầu: Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng mỏ - địa chất.

Mã số thuế: 0101074336.

4. Giá chỉ định thầu: 118.996.732 đồng (Đã bao gồm thuế GTGT).
(Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng).

5. Loại hợp đồng: Trọn gói.

6. Thời gian thực hiện hợp đồng: 15 ngày.

Điều 2. Giao phòng Kỹ thuật công nghệ Tổng công ty chủ trì, căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định về lựa chọn nhà thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các đồng chí Trưởng các phòng KTCN, Kế hoạch, ĐTXD, TCKT Tổng công ty và Giám đốc Công ty 790 căn cứ chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chủ tịch (báo cáo);
- Tổng Giám đốc;
- PTGD Trương Văn Dũng (chỉ đạo);
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, KTCN; K06. *vt*

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đại tá Đỗ Mạnh Khảm

**BỘ QUỐC PHÒNG
TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC**

Số: 796 /ĐB-KTCN

V/v đề nghị thẩm tra BCNCKT dự án
Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu
mỏ Tây Bắc Khe Chàm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 26 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất.

Căn cứ Quyết định số 658/QĐ-ĐB ngày 23/01/2024 của Tổng công ty Đông Bắc phê duyệt kết quả chỉ định thầu Gói thầu số 05: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm;

Căn cứ Hợp đồng số 11/2024/HĐTV-ĐB-CODECO ngày 25/01/2024 giữa Tổng công ty Đông Bắc và Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất về việc thực hiện Gói thầu số 5: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm,

Tổng công ty Đông Bắc cung cấp hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm. Đề nghị Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất tiến hành thẩm tra theo Hợp đồng đã ký giữa hai bên, kết quả thẩm tra gửi về Tổng công ty Đông Bắc trước ngày 09/02/2024.

Đề nghị Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất quan tâm, phối hợp thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Tổng Giám đốc (b/cáo);
- P.TGĐ Trương Văn Dũng (b/cáo);
- Lưu: VT, KTCN. K05.



**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
KT. TP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trung tá Nguyễn Văn Ngọc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

**V/v thực hiện Gói thầu số 05: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi
Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm**

I. CÁC CĂN CỨ:

Căn cứ các Luật: Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ – CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 9923/QĐ-ĐB ngày 29/12/2023 của Tổng Công ty Đông Bắc về việc phê duyệt Nhiệm vụ - dự toán thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 05: Tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm;

Căn cứ Văn bản số 554/ĐB-KTCN, ngày 19/01/2024 của Tổng công ty Đông Bắc về việc đàm phán, thương thảo hợp đồng Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm;

Hôm nay, ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại Văn phòng Tổng công ty Đông Bắc tổ chức đàm phán thương thảo hợp đồng thực hiện Gói thầu số 05: Tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm.

✍️

II. THÀNH PHẦN GỒM:

Bên A (Chủ đầu tư): Tổng công ty Đông Bắc

Ông: Đỗ Mạnh Khâm Chức vụ: Tổng Giám đốc
 Ông: Nguyễn Văn Ngọc Chức vụ: Phó phòng KTCN
 Ông: Nguyễn Bảo Long Chức vụ: TL. Phòng TCKT
 Ông: Tạ Hữu Kiên Chức vụ: TL. Phòng KTCN

Bên B (Nhà thầu): Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng mỏ - địa chất

Ông: Trần Đình Kiên Chức vụ: Giám đốc
 Ông: Nguyễn Văn Thịnh Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

III. NỘI DUNG THƯƠNG THẢO

1. Nội dung công việc: Tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm.

TT	Nội dung	Ý kiến của nhà thầu	
		Chấp thuận	Không chấp thuận
1	Giá gói thầu theo Quyết định số 9923/QĐ-ĐB ngày 29/12/2023 là: 118.996.732 đồng		
2	Giá trị đề nghị ký hợp đồng: 118.996.732 đồng – Đã bao gồm 8% thuế GTGT (<i>Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng</i>)	Chấp nhận	

2. Sản phẩm của hợp đồng

2.1. Chất lượng:

Chất lượng sản phẩm giao nộp phải tuân thủ và phù hợp với: Luật xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công Thương về việc Quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản; Hướng dẫn tại Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 và các quy định hiện hành.

2.2. Sản phẩm giao nộp:

Số lượng bàn giao: Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm giao nộp đủ số lượng hồ sơ phục vụ cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thẩm định:



- Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm: 08 bộ, kèm theo file mềm chứa toàn bộ nội dung kết quả báo cáo thẩm tra.

- Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm: 06 bộ (ký đóng dấu thẩm tra).

3. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện hợp đồng là 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Bên B nhận được đầy đủ hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi cùng yêu cầu thẩm tra từ phía Chủ đầu tư đến khi Bên B nộp báo cáo cho Bên A đảm bảo theo Mục 2 (Thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt, các trường hợp bất khả kháng).

4. Loại hợp đồng: Trọn gói.

5. Tạm ứng, thanh toán và quyết toán Hợp đồng:

5.1. Tạm ứng: Không.

5.2. Tiến độ thanh toán:

- Số lần thanh toán là: 01 lần.

- Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá thực hiện hợp đồng sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hai bên ký biên bản nghiệm thu hợp đồng, thanh lý hợp đồng.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

Sau 06 tháng kể từ ngày bên B bàn giao sản phẩm của hợp đồng cho bên A mà hợp đồng không được nghiệm thu mà không do lỗi của bên B thì hai bên phải lập biên bản xác định giá trị bên B đã thực hiện làm căn cứ thanh toán, thanh lý hợp đồng trên.

Trường hợp thuế GTGT thay đổi thì hai bên thanh quyết toán hợp đồng theo quy định về thuế GTGT tại thời điểm thanh toán mà không phải ký phụ lục hợp đồng.

5.3. Hồ sơ thanh toán:

+ Bản chính Hợp đồng.

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành Hợp đồng, Biên bản quyết toán và thanh lý Hợp đồng được các bên thống nhất ký, đóng dấu.

+ Hồ sơ Báo cáo thẩm tra và Biên bản bàn giao tài liệu giữa 2 bên.

+ Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng, thông tin xuất hóa đơn cụ thể như sau:

“Người mua hàng: Phạm Văn Hiếu

Tên đơn vị: Công ty 790 - Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc

Mã số thuế: 5700101468-047

Địa chỉ: Tổ 1, khu 1, phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản: 115610016688 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả”

+ Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu.

6. Phương thức thanh toán:

6.1. Đồng tiền thanh toán: Đồng tiền Việt Nam.

6.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

7. Nhân sự của Bên B:

7.1. Nhân lực của nhà thầu phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng.

7.2. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu phải có văn bản trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Nhà thầu thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

7.3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư. Trong trường hợp này, Nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

7.4. Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ.

Biên bản thương thảo hợp đồng được lập thành 10 bộ tiếng Việt, Bên A giữ 06 bộ, Bên B giữ 04 bộ, làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**



Trần Đình Kiên

**ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đỗ Mạnh Khảm

Nguyễn Văn Ngọc:.....

Nguyễn Bảo Long:.....

Tạ Hữu Kiên:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 25 tháng 01 năm 2024

HỢP ĐỒNG

(Số: 11./2024/HĐTV-ĐB-CODECO)

Về việc thực hiện Gói thầu số 5: Tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm

GIỮA

TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC

VÀ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ
VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Điều 2. Loại hợp đồng

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

Điều 4. Trao đổi thông tin

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 10. Giá hợp đồng

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Điều 15. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Điều 16. Bảo hiểm

Điều 17. Rủi ro và bất khả kháng

Điều 18. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

Điều 19. Chấm dứt hợp đồng

Điều 20. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 23. Tạm ứng và thanh toán

Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 25. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 26. Điều khoản chung

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 5. Giá hợp đồng

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 13. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 14. Điều khoản chung



DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18/6/2014.
Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/6/2023
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định số 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.



PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại Tổng công ty Đông Bắc, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

- Tên giao dịch: Tổng công ty Đông Bắc.

- Đại diện là ông: Đỗ Mạnh Khảm - Chức vụ: Tổng giám đốc

- Địa chỉ: Tổ 3, khu 8, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Tài khoản: 0141000000606 Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Quảng Ninh.

- Mã số thuế: 5700101468

- Điện thoại: 02033. 836336

Fax: 02033.835773

Và bên kia là:

2. Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

- Tên giao dịch: Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng mỏ - địa chất

- Đại diện là: Ông Trần Đình Kiên

Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Số 36, ngõ 30 - phố Tạ Quang Bửu, phường Bách khoa, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Tài khoản: 111000037499 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội.

- Mã số thuế: 0101074336

- Điện thoại: 024.3755 0428

Fax: 024.3755 0428

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng với nội dung như sau:



PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Bộ Luật Dân sự ngày 24/11/2015;
- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;
- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ “quy định chi tiết hợp đồng trong hoạt động xây dựng”; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ “quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng”; Nghị định số 15/2021/NĐ – CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ “quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng”;
- Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công Thương về việc Quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản;
- Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng;
- Quyết định số 9923/QĐ-ĐB ngày 29/12/2023 của Tổng Công ty Đông Bắc về việc phê duyệt Nhiệm vụ - dự toán thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 05: Tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm;
- Văn bản số 554/ĐB-KTCN, ngày 19/01/2024 của Tổng công ty Đông Bắc về việc đàm phán, thương thảo hợp đồng Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm;
- Biên bản thương thảo Hợp đồng ngày 23/01/2024;
- Quyết định số 658/QĐ-ĐB ngày 23/01/2024 của Tổng công ty Đông Bắc phê duyệt kết quả chỉ định thầu Gói thầu số 05: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm;
- Thông báo số 659/ĐB-KTCN ngày 23/01/2024 của Tổng công ty Đông Bắc về việc thông báo kết quả chỉ định thầu Gói thầu số 05: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm;

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. “Chủ đầu tư” là: Tổng công ty Đông Bắc.
2. “Nhà thầu tư vấn” là: Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng mỏ - địa chất.
3. “Dự án” là: Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm.
4. “Gói thầu” là: Gói thầu số 05 Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm.
5. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
6. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.
7. “Hợp đồng” là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên].
8. “Ngày” được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
9. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
10. “Luật” là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [quy định tại ĐKCT]

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại Khoản 2 dưới đây.
2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:
 - a) Văn bản thông báo trúng thầu;
 - b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
 - c) Điều kiện chung của hợp đồng;
 - d) Dự thảo hợp đồng của Chủ đầu tư;
 - đ) Biên bản thương thảo hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có);
 - e) Các phụ lục của hợp đồng.
 - f) Các tài liệu khác có liên quan.
3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng tư vấn xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin




1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Không thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Nhà thầu tư vấn thực hiện bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Thẩm tra sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

- Thẩm tra sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

- Thẩm tra sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

- Thẩm tra khả năng kết nối với các dự án khác trong ranh giới quản lý, khai thác.

- Thẩm tra sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

- Thẩm tra sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Thẩm tra sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng.

2. Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn bao gồm:

- Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm.

- Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm được đóng dấu thẩm tra.

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây

dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Nhà thầu tư vấn hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng [quy định tại ĐKCT].

Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm

1. Hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên.
2. Hồ sơ Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm.
3. Biên bản bàn giao tài liệu giữa 2 bên.

Điều 10. Giá hợp đồng

- a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: [quy định tại ĐKCT].
- b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 11 [Điều chỉnh hợp đồng].

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng

1. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng: Không điều chỉnh giá hợp đồng (Giá hợp đồng được giữ nguyên trong suốt thời gian Hợp đồng có hiệu lực).

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn [quy định tại ĐKCT].

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn:

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

c) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

d) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

e) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo nhân lực của tư vấn sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

f) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

g) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

h) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình như danh sách đã được Chủ đầu tư chấp thuận để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

i) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng.

k) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

l) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

m) Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện các kết luận và giải trình, làm rõ các nội dung yêu cầu của các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về những chi phí thực hiện của gói thầu.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

đ) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

c) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến Báo cáo nghiên cứu khả thi; tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.

g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng.

2. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý

kiến về nhân sự thay thế trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở phụ lục của hợp đồng.

6. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 15. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu tư vấn sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu tư vấn.

Nhà thầu tư vấn phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 16. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 17. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:




a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

Điều 18. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ

thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tư vấn

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 30 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu tư vấn phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu tư vấn phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 19. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [quy định tại **ĐKCT**] mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 22 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc [quy định tại **ĐKCT**] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

d) Nhà thầu tư vấn bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

đ) Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua Tòa án phân xử tại Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

e) Nhà thầu tư vấn cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 17 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là [quy định tại **ĐKCT**] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua Tòa án phân xử tại Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10 [Giá hợp đồng] và Điều 23 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 20. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu tư vấn đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ trình cho Chủ đầu tư 06 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà

thầu tư vẫn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 19 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành [quy định tại **ĐKCT**]:

Sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành công việc và Chủ đầu tư đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do Nhà thầu tư vấn cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Nhà thầu tư vấn phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng được quy định cụ thể với tổng thời gian thực hiện là [quy định tại **ĐKCT**].

2. Tiến độ chi tiết:

Thời gian và phần công việc hoàn thành [quy định tại **ĐKCT**].

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 23. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:

Thời gian chậm nhất là [quy định tại **ĐKCT**], Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu tư vấn là [quy định tại **ĐKCT**] với số tiền là [quy định tại **ĐKCT**].

2. Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán là [quy định tại **ĐKCT**].

Giá trị mà Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các lần thanh toán cụ thể là [quy định tại **ĐKCT**].

Trong vòng [quy định tại **ĐKCT**], kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

(Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng).

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng.

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản.

4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng [quy định tại **ĐKCT**]. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: [quy định tại **ĐKCT**].

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Giải quyết tranh chấp: [quy định tại **ĐKCT**].

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 25. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: Trường hợp Nhà thầu tư vấn hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng sớm hơn so với thời hạn quy định trong hợp đồng này, mang lại hiệu quả cho Chủ đầu tư thì cứ khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**] Chủ đầu tư sẽ thưởng cho Nhà thầu tư vấn với mức thưởng tối đa [quy định tại **ĐKCT**].

2. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với Nhà thầu tư vấn: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**] thì phạt [quy định tại **ĐKCT**] nhưng tổng số tiền phạt không quá [quy định tại **ĐKCT**].

Đối với Chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho Nhà thầu tư vấn theo quy định tại Điều 10 [Giá hợp đồng] và Điều 23 [Tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho Nhà thầu tư vấn theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm



thanh toán do Ngân hàng thương mại mà Nhà thầu tư vấn mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: [quy định tại **ĐKCT**].

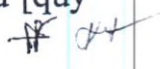
Điều 26. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại **ĐKCT**].

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu tư vấn sẽ giữ [quy định tại **ĐKCT**].



PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

2. Ngôn ngữ của hợp đồng: Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: Không.

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn phải phù hợp với: Luật xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công Thương về việc Quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản; Hướng dẫn tại Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 và các quy định hiện hành.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm:

- Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm: 08 bộ, kèm theo file mềm chứa toàn bộ nội dung kết quả báo cáo thẩm tra.

- Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm được đóng dấu thẩm tra: 06 bộ

Điều 5. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền 118.996.732 đồng (Đã bao gồm thuế GTGT 8%).

(Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng)

Giá trị hợp đồng trên đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí theo quy định.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm), đồng thời Nhà thầu cung cấp xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định mà hai bên không phải ký phụ lục hợp đồng.

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng

1. Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng:

Được điều chỉnh khối lượng khi có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký.

Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng. Đối với những khối lượng phát sinh nằm ngoài phạm vi hợp đồng đã ký mà chưa có quy định về đơn giá hoặc phương pháp xác định đơn giá trong

hợp đồng, các bên sẽ thỏa thuận, thống nhất đơn giá hoặc nguyên tắc, phương pháp xác định giá để thực hiện khối lượng công việc này.

2. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng:

a) Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.

b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.

c) Do việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng mà không do lỗi của Nhà thầu tư vấn gây ra.

d) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư gây ra.

Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

1. Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng là 03 ngày.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 30 ngày.

Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 10 ngày.

Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 22 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc 05 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 10 ngày.

Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 10 ngày.

Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian 10 ngày.

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần. Sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành báo cáo thẩm tra, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

- Ngày bắt đầu: Kể từ ngày ký hợp đồng, khi nhà thầu nhận được đầy đủ hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi cùng yêu cầu thẩm tra từ phía Chủ đầu tư.

- Ngày hoàn thành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày bắt đầu.

(Thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt, các trường hợp bất khả kháng).

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Không.

2. Tiến độ thanh toán:

- Số lần thanh toán là: 01 lần.

[Handwritten signature]

- Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá thực hiện hợp đồng sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hai bên ký biên bản nghiệm thu hợp đồng, thanh lý hợp đồng.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

Sau 06 tháng kể từ ngày bên B bàn giao sản phẩm của hợp đồng cho bên A mà hợp đồng không được nghiệm thu mà không do lỗi của bên B thì hai bên phải lập biên bản xác định giá trị bên B đã thực hiện làm căn cứ thanh toán, thanh lý hợp đồng trên.

Trường hợp thuế GTGT thay đổi thì hai bên thanh quyết toán hợp đồng theo quy định về thuế GTGT tại thời điểm thanh toán mà không phải ký phụ lục hợp đồng.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- + Bản chính Hợp đồng.
- + Biên bản nghiệm thu hoàn thành Hợp đồng, Biên bản quyết toán và thanh lý Hợp đồng được các bên thống nhất ký, đóng dấu.
- + Hồ sơ Báo cáo thẩm tra và Biên bản bàn giao tài liệu giữa 2 bên.
- + Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền.
- + *Hóa đơn giá trị gia tăng, thông tin xuất hóa đơn cụ thể như sau:*
"Người mua hàng: Phạm Văn Hiếu
Tên đơn vị: Công ty 790 - Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc
Mã số thuế: 5700101468-047
Địa chỉ: Tổ 1, khu 1, phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản
Số tài khoản: 115610016688 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả"

+ Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu.

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là 15 ngày.
2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải là 30 ngày.

Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên cấp Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh để xử lý tranh chấp theo quy định của pháp luật là 45 ngày.

Giải quyết tranh chấp: Nếu các tranh chấp hai bên không tự giải quyết được thì tranh chấp sẽ được trình Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh để giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải tuân theo. Bên có lỗi chịu mọi chi phí.

Điều 13. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: Không quy định.

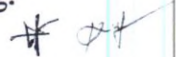
2. Phạt vi phạm hợp đồng

Thời gian chậm tiến độ thực hiện hợp đồng là 10 ngày.

Tỷ lệ phạt là 0,5% giá hợp đồng/01 ngày chậm.

Số tiền phạt tối đa bên B phải chịu là không quá 8% giá trị hợp đồng.

3. Bồi thường thiệt hại: Không

Điều 14. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này bao gồm 22 trang, được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 04 bản, Nhà thầu tư vấn sẽ giữ 04 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**



Trần Đình Kiên

**ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đỗ Mạnh Khảm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỞI LƯỢNG HOÀN THÀNH
Gói thầu số 05: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm

1. Đối tượng nghiệm thu: Công tác tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm.

2. Thành phần nghiệm thu:

a) Đại diện Chủ đầu tư (Bên A): Tổng công ty Đông Bắc

Ông: Đỗ Mạnh Khảm Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông: Phạm Quốc Mạnh Chức vụ: TP.KTCN

Ông: Nguyễn Văn Ngọc Chức vụ: PP. KTCN

Ông: Tạ Hữu Kiên Chức vụ: Nhân viên P.KTCN 

Ông: Nguyễn Bảo Long Chức vụ: Nhân viên P.TCKT

Ông: Đỗ Văn Viên Chức vụ: TL P.ĐTXD

Địa chỉ cơ quan: Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Quảng Ninh

b) Đại diện tư vấn (Bên B): Công ty TNHH tư vấn triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất

Ông: Trần Đình Kiên Chức vụ: Giám đốc

Ông: Trịnh Đức Ban Chức vụ: Chủ nhiệm

Địa chỉ cơ quan: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng.

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

a) Thời gian:

- Bắt đầu: 08h30' ngày 27 tháng 6 năm 2025

- Kết thúc: 10h30' ngày 27 tháng 6 năm 2025

b) Địa điểm: Văn phòng Tổng công ty Đông Bắc (Địa chỉ: Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh).

4. Căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng số 11/2024/HĐTV-ĐB-CODECO ngày 25/01/2024 giữa Tổng công ty Đông Bắc và Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng mỏ - địa chất về việc thực hiện Gói thầu số 5: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm.

- Báo cáo số 15/BC-CODECO ngày 08/02/2024 của Công ty TNHH tư vấn triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất về kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm;



- Báo cáo số 62/BC-CODECO ngày 09/7/2024 của Công ty TNHH tư vấn triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất về kết quả thăm tra (lần 2) Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm;

- Báo cáo số 105/BC-CODECO ngày 04/11/2024 của Công ty TNHH tư vấn triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất về kết quả thăm tra (lần 3) Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm;

- Báo cáo số 156/BC-CODECO ngày 06/12/2024 của Công ty TNHH tư vấn triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất về kết quả thăm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm;

- Quyết định số 10722/QĐ-ĐB ngày 31/12/2024 của Tổng công ty Đông Bắc về việc phê duyệt Dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm;

- Công văn số 2667/ĐB-KTCN ngày 02/4/2025 của Tổng công ty Đông Bắc về việc chấp thuận nghiệm thu sản phẩm tư vấn thăm tra BCNCKT dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm.

5. Đánh giá hồ sơ thiết kế:

a. Về chất lượng hồ sơ:

- Chất lượng báo cáo thăm tra BCNCKT dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm đảm bảo chất lượng.

- Nội dung báo cáo kết quả thăm tra BCNCKT dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm phù hợp với Thông tư 26/2016/TT-BTC ngày 30/11/2016 của Bộ Công Thương về việc quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản; Hướng dẫn tại Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021.

- Dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm sau khi thăm tra, thẩm định đã được Tổng công ty Đông Bắc phê duyệt tại Quyết định số 10722/QĐ-ĐB ngày 31/12/2024.

b. Về hình thức, số lượng sản phẩm:

- Báo cáo thăm tra BCNCKT dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm lập theo đúng các quy định hiện hành, đảm bảo kỹ thuật, chất lượng.

- Sản phẩm của hợp đồng gồm: Báo cáo thăm tra BCNCKT dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm

- Số lượng hồ sơ Bên B đã bàn giao cho Bên A bao gồm: 08 bộ.

c. Tiến độ thực hiện hợp đồng: Đảm bảo tiến độ hợp đồng.

d. Các ý kiến khác: Không.



6. Kết luận:

Bên A đồng ý nghiệm thu khối lượng hoàn thành công việc tư vấn thẩm tra BCNCKT dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm do Công ty TNHH tư vấn triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất thực hiện để làm cơ sở thanh toán và thanh lý Hợp đồng.

Biên bản này được lập thành 08 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 05 bản bên B giữ 03 bản./. 

ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC 



Đỗ Mạnh Khảm

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Trần Đình Kiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG
(Hợp đồng số 11/2024/HĐTV-ĐB-CODECO, ngày 25/01/2024)

- Căn cứ Hợp đồng số 11/2024/HĐTV-ĐB-CODECO ngày 25/01/2024 giữa Tổng công ty Đông Bắc và Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng mỏ - địa chất về việc thực hiện Gói thầu số 5: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm.

- Căn cứ Quyết định số 10722/QĐ-ĐB ngày 31/12/2024 của Tổng công ty Đông Bắc về việc phê duyệt Dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm.

- Căn cứ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ngày 27/6/2025.

Hôm nay, ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại Văn phòng Tổng công ty Đông Bắc chúng tôi gồm:

I. Chủ đầu tư: Tổng công ty Đông Bắc

- Địa chỉ: Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 02033 836.336 Fax: 02033 835.773
- Tài khoản số: 0141000000606
- Tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh.
- Mã số thuế: 5700101468

Do ông: Đỗ Mạnh Khảm

Chức vụ: Tổng Giám đốc làm đại diện

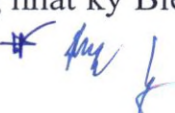
II. Nhà thầu: Công ty TNHH tư vấn triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất

- Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng.

- Tài khoản: 111000037499
- Tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội
- Mã số thuế: 0101074336
- Điện thoại: 0243.755.0428; Fax: 0243.755.0428

Do ông: Trần Đình Kiên

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Sau khi xem xét toàn bộ tài liệu Biên B giao cho Bên A và các điều khoản ghi trong hợp đồng, hai bên thống nhất ký Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng nêu trên với các nội dung sau: 

1. Nội dung thực hiện hợp đồng:

Bên B đã hoàn thành Hợp đồng số 11/2024/HĐTV-ĐB-CODECO ngày 25/01/2024 giữa Tổng công ty Đông Bắc và Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng mỏ - địa chất về việc thực hiện Gói thầu số 5: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm. Dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm sau khi thẩm tra, thẩm định đã được Tổng công ty Đông Bắc phê duyệt tại Quyết định số 10722/QĐ-ĐB ngày 31/12/2024.

2. Giá trị thực hiện và phương thức thanh toán:

- Giá trị ký hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT 8%): 118.996.732 đồng
- Giá trị quyết toán hợp đồng (bao gồm thuế GTGT 8%): 118.996.732 đồng
- Giá trị đã thanh toán: 0 đồng
- Giá trị còn lại được thanh toán: 118.996.732 đồng

(Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng)

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

Tổng công ty Đông Bắc (Bên A) chấp nhận thanh toán cho Công ty TNHH tư vấn triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất (Bên B) chi phí Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm với số tiền là: 118.996.732 đồng (Một trăm mười tám triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng).

3. Kết luận:

Hợp đồng số 11/2024/HĐTV-ĐB-CODECO ngày 25/01/2024 giữa Tổng công ty Đông Bắc và Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng mỏ - địa chất được thanh lý và hết hiệu lực kể từ ngày Bên A chuyển trả tiền và Bên B nhận đủ tiền.

Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện các kết luận và giải trình, làm rõ các nội dung yêu cầu của các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về những chi phí thực hiện của gói thầu.

Biên bản được hai bên thông qua và lập thành 08 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 05 bản bên B giữ 03 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Mạnh Khảm

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Trần Đình Kiên

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ THANH TOÁN

Gói thầu số 5: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm

TT	Nội dung chi phí	Chi phí (đồng)	Ghi chú
1	Thù lao cho chuyên gia	106 055 650	
2	Chi phí khác	4 126 509	
3	Thuế VAT 8%	8 814 573	
	Tổng chi phí	118 996 732	
	Giá trị thực hiện theo Hợp đồng	118 996 732	
	Giá trị thanh toán	118 996 732	

(Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng)./.

Ghi chú: Nhà thầu cam kết và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các số liệu nêu trên

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC**



Trần Đình Kiên

Mẫu số 12A. BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

STT	Họ tên chuyên gia	Chức danh	Địa điểm làm việc	Lương cơ bản	Chi phí xã hội % của (3) 21,5%x(3)	Chi phí quản lý chung % của (3) 33,5%x(3)	Cộng (3)+(4)+(5)	Lợi nhuận % của (6) 6%x(6)	Phụ cấp xa nhà	Thù lao cho chuyên gia/ngày (6)+(7)+(8)
	(1)	(1a)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Nhân sự chủ chốt									
1	Trịnh Đức Ban	Chủ nhiệm dự án	Công ty, Thực địa	1 500 000	322 500	502 500	2 325 000	139 500		2 464 500
2	Đỗ Hoàng Hiệp	Chủ trì tham dò địa chất	Công ty, Thực địa	1 150 000	247 250	385 250	1 782 500	106 950		1 889 450
3	Phạm Thanh Tuyền	Chủ trì phân tích thác, XDCT ngầm	Công ty, Thực địa	1 150 000	247 250	385 250	1 782 500	106 950		1 889 450
4	Nguyễn Văn Dũng	Chủ trì phân Trắc địa	Công ty, Thực địa	1 150 000	247 250	385 250	1 782 500	106 950		1 889 450
5	Đỗ Nguyễn Đán	Chủ trì phân chế biến	Công ty, Thực địa	1 150 000	247 250	385 250	1 782 500	106 950		1 889 450
6	Nguyễn Anh Nguyên	Chủ trì phân Cơ khí vận tải	Công ty, Thực địa	1 150 000	247 250	385 250	1 782 500	106 950		1 889 450
7	Kim văn Hùng	Chủ trì phân xây dựng, mặt bằng	Công ty, Thực địa	1 150 000	247 250	385 250	1 782 500	106 950		1 889 450
8	Nguyễn Đình Thống	Chủ trì phân Cung cấp điện, thắp sáng	Công ty, Thực địa	1 150 000	247 250	385 250	1 782 500	106 950		1 889 450
9	Lê Văn Huy	Chủ trì phân bảo vệ môi trường	Công ty, Thực địa	1 150 000	247 250	385 250	1 782 500	106 950		1 889 450
10	Phạm Kim Minh	Chủ trì phân kinh tế	Công ty, Thực địa	1 150 000	247 250	385 250	1 782 500	106 950		1 889 450

CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

Đồng tiền sử dụng: VN đồng

STT	Họ và tên (1)	Chức danh bố trí trong gói thầu (2)	Địa điểm làm việc (3)	Thù lao/ngày-người (4)	Số ngày-người (5)	Thù lao cho chuyên gia (6)=(4) x (5)	Tổng (7)
1	Trịnh Đức Ban	Chủ nhiệm dự án	Công ty	2 464 500	6	14 787 000	17 251 500
			Thực địa	2 464 500	1	2 464 500	
2	Phạm Thanh Tuyền	Chủ trì phần Khai thác, XDCT ngầm và mỏ	Công ty	1 889 450	6	11 336 700	13 226 150
			Thực địa	1 889 450	1	1 889 450	
3	Nguyễn Anh Nguyễn	Chủ trì phần Cơ khí vận tải	Công ty	1 889 450	5	9 447 250	11 336 700
			Thực địa	1 889 450	1	1 889 450	
4	Đỗ Hoàng Hiệp	Chủ trì tham dò địa chất	Công ty	1 889 450	4	7 557 800	9 447 250
			Thực địa	1 889 450	1	1 889 450	
5	Nguyễn Văn Dũng	Chủ trì phần Trắc địa	Công ty	1 889 450	3	5 668 350	7 557 800
			Thực địa	1 889 450	1	1 889 450	
6	Đỗ Nguyễn Đán	Chủ trì phần chế biến	Công ty	1 889 450	4	7 557 800	9 447 250
			Thực địa	1 889 450	1	1 889 450	
7	Nguyễn Đình Thống	Chủ trì phần Cung cấp điện, thông tin liên lạc	Công ty	1 889 450	5	9 447 250	11 336 700
			Thực địa	1 889 450	1	1 889 450	
8	Kim văn Hùng	Chủ trì phần xây dựng, mặt bằng	Công ty	1 889 450	4	7 557 800	9 447 250
			Thực địa	1 889 450	1	1 889 450	
9	Lê Văn Huy	Chủ trì phần bảo vệ môi trường	Công ty	1 889 450	3	5 668 350	7 557 800
			Thực địa	1 889 450	1	1 889 450	
10	Đạm Kim Minh	Chủ trì nhân linh tế	Công ty	1 889 450	4	7 557 800	9 447 250

STT	Họ và tên (1)	Chức danh bố trí trong gói thầu (2)	Địa điểm làm việc (3)	Thù lao/ngày- người (4)	Số ngày- người (5)	Thù lao cho chuyên gia (6)= (4) x (5)	Tổng (7)
10	Trần Kim Minh	Chủ trì phân khu vực	Thực địa	1 889 450	1	1 889 450	1 889 450
	Cộng						106 055 650

CHI PHÍ KHÁC

STT	Nội dung chi phí	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Chi phí thuê xe đi khảo sát hiện trạng, thu thập số liệu phục vụ lập thiết kế	Chuyến	1	2 500 000	2 500 000
2	Chi phí xuất bản (in ấn, đóng quyển)				1 626 509
	Cộng				4 126 509



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Mã số thuế: 0101074336

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu - Phường Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 02437550428

Email: codeco.mdc@gmail.com

Số tài khoản: 111000037499

NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 27 tháng 06 năm 2025

Mã của cơ quan thuế: 00254DE1F484464BDC8AB97A8F9AC922EB

Ký hiệu: 1C25TMD

Số: 113

Họ và tên người mua hàng: Phạm Văn Hiếu

Tên đơn vị: CÔNG TY 790 - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC

Địa chỉ: Tổ 1, khu 1, phường Cửa ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Số tài khoản: 115610016688 Tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Mã số thuế: 5700101468-047

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Quyết toán, thanh lý hợp đồng thực hiện gói thầu số 05: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khê Chàm (theo hợp đồng số 11/2024/HĐTV-ĐB-CODECO, ký ngày 25/01/2024 + Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng, ký ngày 27/06/2025).	Gói thầu	1	110.182.159	110.182.159
Tỷ giá: 1 VND / VND		Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ:		110.182.159	
Quy đổi: 118.996.732 VND		Tiền thuế GTGT:		8.814.573	
Thuế suất GTGT: 8%		Tổng tiền thanh toán:		118.996.732	

Số tiền bằng chữ: Một trăm mười tám triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN
KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG
MỎ - ĐỊA CHẤT

Ngày ký: 27/06/2025 17:54:08

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.minvoice.vn/> Mã tra cứu: 586CCB989374FF1A

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICxoa số dự đk 2020E - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)